#### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CP CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

**Năm báo cáo: 2014**

1. Thông tin chung
2. ***Thông tin khái quát***

- Tên giao dịch: Công ty CP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 0200563063 đăng ký lần đầu ngày 29/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 26/2/2014.

- Vốn điều lệ: 63.331.230.000 VND

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 63.331.230.000 VND

- Địa chỉ: 8A Đường vòng Vạn Mỹ, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Số điện thoại: 0313.766.561

- Số fax: 0313.765.771

- Website: www.maserco.com.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có): MAC

1. ***Quá trình hình thành và phát triển***

Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải tiền thân là Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải được thành lập theo Quyết định số 695/QĐ/TCCB-LĐ ngày 13/04/1993 của Bộ GTVT do Bộ trưởng ký thành lập DNNN là: ***Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải I.*** Đến năm 2000 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là đơn vị chủ quản đã quyết định cải cách Công ty bằng phương án thay đổi nhân sự cấp cao của Công ty, đồng thời hỗ trợ một phần vốn và dịch vụ khác để tạo đà cho Công ty phát triển. Để tăng hiệu quả hơn nữa hoạt động SXKD và thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc đổi mới các Doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh cho các Doanh nghiệp khi tham gia hội nhập, tháng 9/2003 Công ty đã tiến hành cổ phần hoá nhằm đa dạng hoá sở hữu, đa dạng các yếu tố cạnh tranh làm động lực phát triển và xác lập mô hình hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường.

Với số vốn điều lệ ban đầu là 4 tỷ đồng, trong đó phần góp vốn của Tổng Công ty Hàng hải (đại diện vốn Nhà nước) là 1,2 tỷ đồng (chiếm 30%) và các cổ đông là CBCNV trong Công ty là 2,8 tỷ đồng (chiếm 70%).

Theo Quyết định số 2375/QĐ-BGTVT ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc chuyển DNNN Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải I trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần

Gọi là: *Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải*

Sau khi tiến hành cổ phần hoá, Công ty đã tổ chức sắp xếp lại mô hình quản lý và hoạt động SXKD, giải quyết các lao động dôi dư theo Nghị định 41/CP của Chính phủ, đồng thời tuyển dụng thêm một số CBCNV phù hợp với các loại hình kinh doanh dịch vụ mới. Công ty tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực các ngành nghề truyền thống: gia công cơ khí, đóng mới và sửa chữa phương tiện thuỷ từ chỗ chỉ đóng mới các loại tàu 1.000 tấn thì nay đã đóng được các loại tàu có trọng tải đến 4.000 tấn.

Trong giai đoạn 2004 đến 2007, Công ty đã tiến hành tăng vốn để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã ba lần phát hành trái phiếu chuyển đổi và hai lần phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Kết quả của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi lần thứ nhất và phát hành cổ phiểu thưởng lần thứ nhất làm vốn điều lệ công ty tăng lên là 8 tỷ đồng. Kết quả của việc phát hành cổ phiếu thưởng lần thứ hai làm vốn điều lệ Công ty tăng lên 10 tỷ đồng. Kết quả của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi lần thứ hai và lần thứ ba làm vốn điều lệ của Công ty tăng lên 32 tỷ đồng. Năm 2010 công ty thực hiện xong kế họach tăng vốn điều lệ từ 32 tỷ đồng lên 55 tỷ đồng từ nguồn chia cổ phiếu thưởng năm 2009 và phát hành 1,9 triệu cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đ/ cổ phiếu.

Năm 2014 công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 55 tỷ lên thành 63.331.230.000 đồng. Thực hiện việc niêm yết thành công 833.312 cổ phiếu từ việc phân chia thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh***

**Ngành nghề kinh doanh**

* Dịch vụ giao nhận hàng hóa, kê khai hải quan, kiểm đếm hàng hóa; Hoạt động môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển); Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
* Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc, container;
* Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
* Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
* Sản xuất các cấu kiện kim loại;
* Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
* Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
* Bốc xếp hàng hóa;
* Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
* Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
* Sửa chữa vỏ container;
* Dịch vụ vệ sinh tàu biển;
* Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy;
* Hoạt động lai dắt, đưa tàu cập bến;
* Đóng tàu và cấu kiện nổi;
* Sửa chữa máy móc, thiết bị;
* Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
* Hoạt động của đại lý bảo hiểm;
* Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
* Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
* Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
* Bán buôn thực phẩm;

**Địa bàn kinh doanh:**

- Trụ sở chính: số 8A Đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng

- Bãi Maserco 02: số 173 Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng.

- Chi nhánh miền nam: số 97/48 đường số 08, Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Hồ Chí Minh

1. ***Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý***
* **Mô hình quản trị.**

Ban công bố thông tin

Đại Hội đồng cổ đông

Chi nhánh miền nam

Phòng

Tổ chức sản xuất

Phòng

Kinh doanh

Phòng

Tài chính Kế toán

Phòng

Thương vụ - Vật tư

Phòng

Tổ chức Hành chính

Phó GĐ 1

Giám đốc

Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị

Phó GĐ 2

* **Cơ cấu bộ máy quản lý.**
1. Đại hội đồng cổ đông:là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị:

1. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
2. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
3. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
4. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
5. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
6. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
7. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
8. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
10. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
11. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

3. Giám đốc công ty:

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
4. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
5. Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
6. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
7. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
9. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Phó giám đốc công ty

***a. Chức năng, nhiệm vụ:***

- Giúp việc cho Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Giám đốc;

- Chủ động và tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hiệu quả các hoạt động.

***b. Quyền hạn:***

Theo ủy quyền bằng văn bản của Giám đốc phù hợp với từng giai đoạn và phân cấp công việc.

1. Tình hình hoạt động trong năm
2. ***Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh***

Năm 2014, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh, phát triển sản xuất. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định. Lạm phát được kiểm soát tốt. Tăng trưởng đạt mức tăng khá và có dấu hiệu khả quan ở những ngành, lĩnh vực trọng yếu. Sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo. Cầu trong nước đã có chuyển biến theo hướng tích cực. Thị trường tiền tệ và thị trường ngoại hối ổn định. Khó khăn của doanh nghiệp đang dần được tháo gỡ.

 Theo số liệu của Tổng cục thống kê công bố, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5.98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5.06%; quý II tăng 5.34%; quý III tăng 6.07%; quý IV tăng 6.96%. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5.25% của năm 2012 và mức tăng 5.42% của năm 2013, qua số thống kê trên cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

 Cùng với đà phục hồi của nền kinh tế, Công ty CP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải đã nỗ lực vượt qua khó khăn và tiếp tục khẳng định được thương hiệu trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, đồng thời đã hoàn thành và vượt kế hoạch SXKD năm 2014 mà HĐQT đã đề ra.

*(ĐVT: VNĐ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch 2014** | **Thực hiện 2014** | **Tỷ lệ %** |
| Tổng Doanh thu | 80.000.000.000 | 114.007.069.055 | 142% |
| Tổng chi phí | 77.000.000.000 | 108.554.583.687 | 141% |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.000.000.000 | 5.305.571.954 | 176% |

1. ***Tổ chức và nhân sự***

***Hội đồng quản trị***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| -Ông Nguyễn Văn Cường  | Chủ tịch |  |
| -Ông Tạ Mạnh Cường  | Ủy viên  |  |
| -Ông Ngô Long Giang  | Ủy viên |  |
| -Ông Phạm Văn Cát  | Ủy viên  |  |
| -Ông Nguyễn Văn Thủy  | Ủy viên |  |
| -Ông Nguyễn Văn Dung | Ủy viên |  |
| -Bà Triệu Thị Thu Hạnh | Ủy viên |  |

***Ban Giám đốc***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ông Nguyễn Văn Cường  | Giám đốc |  |
|  Ông Phạm Văn Thót  | Phó Giám đốc |  |
|  Ông Phạm Văn Cát | Phó Giám đốc |  |

***Tiểu sử tóm tắt hội đồng quản trị***

* **Ông: NGUYỄN VĂN CƯỜNG -** Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/11/1965

Địa chỉ thường trú: 243 Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: PTTH

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế Vận tải Biển

Quá trình công tác:

* 1990 – 1993: Công ty Liên doanh Germartrans Việt Nam
* 1993 – 2000: Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận Chuyển (Germadept)
* 2000 – 2003: Công ty Cung ứng và dịch vụ Hàng hải I
* 2003 – nay: Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

* **Ông: TẠ MẠNH CƯỜNG -** Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 30/01/1965

Địa chỉ thường trú: 22/67 Tô Hiệu, Trại Cau, Lê Chân, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng – Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

* 1988 – 1992: Xí nghiệp giày dép số 5 Hải Phòng
* 1992 – 2000: Công ty liên doanh TNHH GIANT-V
* 2001 – 2010: Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải
* 2010 - nay: Công ty CP vận tải xếp dỡ Cảng Hải An

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

* **Ông: NGUYỄN VĂN THỦY -** Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/08/1962

Địa chỉ thường trú: Số 244 Trường Chinh, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: Đại Học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vỏ tàu thủy, cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

* 1980 – 1985: Sinh viên trường ĐH Hàng Hải
* 1985 – Tháng 04/1986: Chờ phân công công tác
* 1986 – 2002: Cán bộ kỹ thuật, Phó quản đốc Xưởng đóng tàu Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải
* 2007 – nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần đóng mới và sửa chữa tàu Hải An

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

* **Ông: NGUYỄN VĂN DUNG -** Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 21/01/1966

Địa chỉ thường trú: 66 Cầu Cáp – Lam Sơn – Lê Chân – Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

* 1986 - 1996: Thợ máy tàu biển, Công ty vận tải biển Pha sông thuộc bộ giao thông
* 1996 - 2002: Công tác tại Công ty cổ phần liên hiệp vận chuyển (GMD)
* Từ 2002 cho đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

* **Bà: TRIỆU THỊ THU HẠNH -** Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 29/01/1964

Địa chỉ thường trú: 15/174 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

* 1988 - 1991: Làm việc tại Công ty công nghệ phẩm Minh Khai
* 1992 - 2004: Làm tại Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải
* Từ 2005 cho đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

* **Ông: PHẠM VĂN CÁT -** Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/12/1956

Địa chỉ thường trú: Số 3/319 Tập thể thủy sàn, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

* 1974 - 1980: Bộ đội tại BCH quân sự tỉnh Hải Hưng
* 1981 - 1982: Cán bộ tại trường thương binh Khoái Châu – Châu Giang – Hải Hưng
* 1982 – 1987: Sinh viên trường ĐH Hàng hải Việt Nam
* 1982 - nay: Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

**Kế toán trưởng**

* **Bà: TRẦN THANH NHÀN -** Kế toán trưởng

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 31/01/1972

Địa chỉ thường trú: Số 7/43 Lê Đại Hàng – Hồng Bàng – Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

* Từ nhỏ đến 1994: đi học
* Từ năm 1995 đến năm 2004: công tác tại Cty giầy Hợp Lực nay là Cty giầy Phúc An
* Từ năm 2005 đến nay: công tác tại Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

#### **Tỉ lệ sở hữu cổ phần cổ đông nội bộ và người có liên quan**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ  | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
| 1. | Nguyễn Văn Cường | CT HĐQT,GĐ | 54.533 | 0.86 % |  |
| 2. | Vũ Thị Thanh Hương | Vợ | 11.179 | 0.18% |  |
| 3. | Nguyễn Văn Hùng | Anh ruột | 8.201 | 0.13% |  |
| 4 | Tạ Mạnh Cường | TV HĐQT | 29.733 | 0.47% |  |
| 5 | Phạm Văn Cát | TV HĐQT | 35.958 | 0.57% |  |
| 6 | Nguyễn văn Thủy | TV HĐQT | 27.154 | 0.43% |  |
| 7 | Triệu Thị Thu Hạnh | TV HĐQT | 27.154 | 0.43% |  |
| 8 | Nguyễn Văn Dung | TV HĐQT | 19.204 | 0.3% |  |
| 9 | Ngô Long Giang | TV HĐQT | 0 | 0% |  |
| 10 | Lê T. Hoàng Trinh | TBKS( nhiệm kỳ III) | 16.587 | 0.26% |  |
| 11 | Nguyễn Thị Vân | TV BKS | 9.960 | 0.16% |  |
| 12 | Trần Thanh Nhàn | KTT | 13.490 | 0.21% |  |
| 13 | Trịnh Thị Thu Trang | NV CBTT | 11.598 | 0.18% |  |

* Những thay đổi trong ban điều hành: Không
* Số lượng cán bộ, nhân viên.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đơn vị | Số lượng người | Trình độ học vấn |
| Thạc sỹ | Đại học | Cao đẳng, Trung cấp |
| Ban giám đốc | 03 | 1 | 02 |  |
| Phòng Tổ chức hành chính | 06 |  | 02 | 04 |
| Phòng Kế toán tài chính | 06 |  | 06 |  |
| Phòng Kinh doanh | 35 |  | 26 | 9 |
| Phòng Thương vụ vật tư | 05 |  | 05 |  |
| Phòng Tổ chức sản xuất | 167 |  | 12 | 155 |
| Chi nhánh miền nam | 71 |  | 15 | 56 |
| **Tổng số** | 293 | 1 | 68 | 224 |

1. ***Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án***

# Các khoản đầu tư lớn:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
| Số lượng cổ phiếu | (VND) | (VND) |
| Công ty Cổ phần Hải Minh | 175.999 | 2.500.000.000 | 2.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | 1.406.401 | 16.409.680.000 | 19.094.560.000 |
| Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương | 180.000 | 1.800.000.000 | 1.800.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco |  | 886.050.000 | 886.050.000 |
| Trái phiếu Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương |  |  | 540.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais | 20.000 | 200.000.000 | - |
| Cộng |  | 21.795.730.000 | 24.820.610.000 |

1. Các công ty liên quan:

Tại thời điểm 31/12/2014, khoản góp vốn vào Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư) với tỷ lệ 55% vốn điều lệ tại 31/12/2014, tương đương 886.050.000 VND. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco ngày 20/12/2010, Hội đồng thành viên Công ty này đã thống nhất chuyển quyền chi phối của bên Việt Nam là Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (Maserco) cho bên nước ngoài là ông Iwasaki Yoshinobu, theo đó, bên nước ngoài có toàn quyền biểu quyết, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm các thành viên Hội đồng thành viên đối với Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco. Bên nước ngoài được coi là Công ty mẹ và bên Việt Nam chỉ còn quyền chia lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco.

1. ***Tình hình tài chính***
2. **Tình hình tài chính**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Năm 2014 ( đồng) | Năm 2013( đồng) | % tăng giảm |
| Tổng giá trị tài sảnDoanh thu thuầnLợi nhuận từ hoạt động kinh doanhLợi nhuận khác Lợi nhuận trước thuếLợi nhuận sau thuếTỷ lệ lợi nhuận trả cổ tứ | 115.820.465.865108.737.043.1285.372.807.54579.677.8235.452.485.3685.305.571.954889 | 101.215.391.72383.227.255.546788.638.9661.126.262.5341.914.901.5001.914.901.500348 | 1.141.316.810.012.842.772.55 |

1. **Các chỉ tiêu khác:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Các chỉ tiêu | Năm 2014 | Năm 2013 | Ghi chú |
| 1. *Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*
* *Hệ số thanh toán ngắn hạn:*

*Đầu tư ngắn hạn/Nợ ngắn hạn** *Hệ số thanh toán nhanh:*

 *Hàng tồn kho**Nợ ngắn hạn* | 0.01350.26 | 0.01790.298 |  |
| 1. *Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*
* *Hệ số Nợ/Tổng tài sản*
* *Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu*
 | 0.320.478 | 0.270.38 |  |
| 1. *Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*
* *Vòng quay hàng tồn kho:*

*Giá vốn hàng bán**Hàng tồn kho bình quân** *Doanh thu thuần/Tổng tài sản*
 | 0.938 | 0.822 |  |
| 1. *Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*
* *Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần*
* *Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu*
* *Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản*
* *Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần*
 | 0.0480.0670.04580.049 | 0.0230.0260.01890.0094 |  |

1. ***Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn điều lệ: 63.331.230.000 VND

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 VND.

1. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu

 Cổ đông lớn:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Cổ đông** | **Tỷ lệ góp vốn(%)** | **Số lượng cổ phần nắm giữ** |
| 1 | Trong nước,*trong đó:** Tổ chức trong nước.
* Cá nhân trong nước

Nước ngoài,*Trong đó:** Tổ chức nước ngoài
* Cá nhân nước ngoài
 | 10.189.9 | 364.4995.698.59925 |
| 2 | Phân loại khácCổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên |  |  |

1. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | Đơn vị tính: VND |
| Vốn đầu tư Thặng dư vốn | Quỹ đầu tư |  | Quỹ dự phòng |  | Quỹ khác thuộc Lợi nhuận sau thuế |
| của chủ sở hữu cổ phần | phát triển |  | tài chính |  | vốn chủ sở hữu chưa phân phối |
| Số dư đầu năm trước 54.998.110.000 8.335.000.000 | 5.420.574.380 |  | 1.344.159.729 |  | 36.662.255 1.308.704.582 |
| Tăng trong năm trước - - | - |  | - |  | - 1.914.901.500 |
| Giảm trong năm trước - - | - |  | - |  | 13.800.000 - |
| Số dư cuối năm trước 54.998.110.000 8.335.000.000 | 5.420.574.380 |  | 1.344.159.729 |  | 22.862.255 3.223.606.082 |
| Số dư đầu năm 54.998.110.000 8.335.000.000 | 5.420.574.380 |  | 1.344.159.729 |  | 22.862.255 3.223.606.082 |
| Tăng trong năm 8.333.120.000 - | 616.805.441 |  | 154.201.360 |  | - 5.305.571.954 |
| Giảm trong năm - 8.333.120.000 | - |  | - |  | - 1.079.409.521 |
| Số dư cuối năm 63.331.230.000 1.880.000 | 6.037.379.821 |  | 1.498.361.089 |  | 22.862.255 7.449.768.515 |

1. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Năm 2014VND |  | Năm 2013VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữuVốn góp đầu năm | 54.998.110.000 |  | 54.998.110.000 |
| Tăng trong năm Giảm trong năm Vốn góp cuối nămCổ tức, lợi nhuận đã chia | 8.333.120.000-63.331.230.000- |  | --54.998.110.000- |
|  |  |  |  |

1. Cổ phiếu:

CỔ PHIẾU

31/12/2014 01/01/2014

Cổ phiếu Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành 6.333.123 5.499.811

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng 6.333.123 5.499.811

Cổ phiếu phổ thông 6.333.123 5.499.811

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành 6.333.123 5.499.811

Cổ phiếu phổ thông 6.333.123 5.499.811

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu) 10.000 10.000

1. Các chứng khoán khác: Không
2. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Năm 2014, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam đã có những tín hiệu tích cực, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh, phát triển sản xuất. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định. Lạm phát được kiểm soát tốt. Tăng trưởng đạt mức tăng khá và có dấu hiệu khả quan ở những ngành, lĩnh vực trọng yếu. Sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo. Cầu trong nước đã có chuyển biến theo hướng tích cực. Thị trường tiền tệ và thị trường ngoại hối ổn định. Khó khăn của doanh nghiệp đang dần được tháo gỡ.

 Theo số liệu của Tổng cục thống kê công bố, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5.98% so với năm 2013, trong đó quý I tăng 5.06%; quý II tăng 5.34%; quý III tăng 6.07%; quý IV tăng 6.96%. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mức tăng 5.25% của năm 2012 và mức tăng 5.42% của năm 2013, qua số thống kê trên cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế.

 Cùng với đà phục hồi của nền kinh tế, Công ty CP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải đã nỗ lực vượt qua khó khăn và tiếp tục khẳng định được thương hiệu trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, đồng thời đã hoàn thành và vượt kế hoạch SXKD năm 2014 mà HĐQT đã đề ra.

*(ĐVT: VNĐ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch 2014** | **Thực hiện 2014** | **Tỷ lệ %** |
| Tổng Doanh thu | 80.000.000.000 | 114.007.069.055 | 142% |
| Tổng chi phí | 77.000.000.000 | 108.554.583.687 | 141% |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.000.000.000 | 5.305.571.954 | 176% |

* **Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động SXKD.**

 **Thuận lợi**

* Có sự quan tâm của Hội đồng quản trị Công ty.
* Sự điều hành nhạy bén, năng động và quyết đoán của ban lãnh đạo Công ty.
* Hệ thống đối tác, khách hàng ngày càng ổn định và xây dựng được nhiều mối quan hệ với các khách hàng tiềm năng.
* Mô hình công ty xây dựng đã dần ổn định, có chế độ tuyển dụng và đãi ngộ người lao động hợp lý, tạo được môi trường làm việc tốt nhất để khuyến khích người lao động.
* Tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty đoàn kết nhất trí và nỗ lực, quyết tâm phấn đấu vì sự phát triển chung của Công ty.

**Khó khăn và thách thức:**

* Về khách quan: Thị trường vận tải chung suy giảm và vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc dẫn đến mức độ cạnh tranh về các dịch vụ hàng hải cũng rất khốc liệt. Vì vậy các dịch vụ có thế mạnh của công ty như: sản xuất xà treo, gia công cơ khí, lắp ráp thiết bị treo, sửa chữa container, cung ứng hàng hải...V,v...tỷ suất lợi nhuận giảm mạnh do chúng ta phải liên tục giảm giá bán cho khách hàng và phải chia sẻ thị phần.
* Do điều kiện khách quan của thị trường, một số khách hàng của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các dịch vụ, các hợp đồng nên dẫn đến việc chậm thanh toán, nợ quá hạn và không có khả năng thanh toán gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.
* Có sự cạnh tranh quyết liệt từ các đối thủ trong các lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực gia công lắp ráp cont’ treo, cung ứng.

 **Kế hoạch sản xuất kinh doanh, chủ trương và biện pháp trong năm 2015:**

- Tình hình kinh tế vĩ mô đã có những chuyển biến tích cực trong năm 2014; lạm phát đang được kiềm chế, lãi suất tín dụng giảm, thị trường bất động sản đã ấm dần, thị trường chứng khoán đã có những phục hồi khá tốt.... Chính phủ đã và đang thực thi hàng loạt chính sách và biện pháp khắc điều tiết vĩ mô quan trọng và bước đầu đã phát huy hiệu quả tích cực, tạo niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp.

- Tuy nhiên đối với tất cả các ngành nghề dịch vụ hiện có của Công ty sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong năm nay do mức độ cạnh tranh gay gắt hơn về giá và chất lượng, do các sức ép về cắt giảm chi phí của khách hàng, trong khi đó giá cả vật tư, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào giảm không đáng kể.

Trong năm 2014 Ban giám đốc công ty đã có sự chuẩn bị chu đáo vừa đảm bảo ổn định sản xuất, hoàn thành vượt kế hoạch, vừa chuẩn bị cơ sở hạ tầng, phương tiện, thiết bị phục vụ cho kế hoạch năm 2015. Cụ thể như sau:

 - Khắc phục những yếu kém còn tồn tại, tổ chức dây chuyền sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao động và tiếp tục nghiên cứu cung cấp những sản phẩm, dịch vụ mới trên cơ sở các sản phẩm truyền thống sẵn c**ó** để mở rộng thị phần và gia tăng hiệu quả kinh doanh. Công ty cũng đã đầu tư máy móc thiết bị và tổ chức được bộ phận gia công các chủng loại vật tư phục vụ cho sửa chữa cont’ làm giảm giá thành sản xuất.

- Tổ chức lại lực lượng sản xuất đảm bảo tận dụng tối đa năng lực thiết bị, con người hiện có. Trong đó trọng tâm là củng cố bộ phận: gia công cơ khí, sản xuất xà treo cho các hãng như Mearsk line, Hanjin và APL, liên tục cải tiến kỹ thuật trong gia công lắp đặt thiết bị treo trong container để giảm giá thành, sửa chữa container, khai thác dịch vụ đóng rút hàng tại bãi tại 173 Ngô Quyền,

Ngoài việc phát triển các hoạt động chính như trên, Công ty tiếp tục mở rộng các dịch vụ khác nhằm hoàn thiện thêm hoạt động sản xuất của mình, tăng thêm việc làm cho người lao động như: Uỷ thác giao nhận, vận chuyển hàng hoá, khai thác dịch vụ trông giữ kết hợp sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh xe ô tô các loại tại bãi 8A đường vòng vạn mỹ, vệ sinh sửa chữa container lưu động tại các cảng phía bắc như SITC Đình Vũ, bãi cảng Tân Vũ, các Cảng phía nam và Cảng Đà Nẵng miền trung. Mơ rộng dịch vụ sửa chữa kỹ thuật các phương tiện, thiết bị xếp dỡ của các Cảng như Tranvina, Vinaship, Đoạn Xá, mở rộng và nâng cấp dịch vụ sửa chữa đầu bến V,vv. Đẩy mạnh hợp tác kinh doanh tại CAMPUCHIA , năm 2014 sản lượng đạt khoảng 6 tỷ đồng.

 Đặc biệt đã mở rộng và hoàn thiện 3700 m2 bãi tại 173 Ngô Quyền, vừa tăng diện tích bãi để khai thác , vừa tăng thêm tài sản cho doanh nghiệp. Hợp tác kinh donh khai thác bãi Hoàng Sơn ( MAC- HOÀNG SƠN ) đạt hiệu quả tốt.

 Kính thưa các quý vị cổ đông, đối với MAC năm 2015 cũng hứa hẹn nhiều thuận lợi:+ Quy mô, lĩnh vựa hoạt động, các nguồn lực tài chính và thương hiệu của Công ty đã được khằng định và không ngừng mở rộng.

+ Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các đối tác, bạn hàng, sự ủng hộ của các cổ đông.

 Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi kể trên, những khó khăn, thử thách đối với nền kinh tế và các doanh nghiệp trong năm 2014 được dự báo là sẽ tiếp tục có ảnh hưởng trong năm 2015. Đây sẽ là thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp nói chung và MAC nói riêng, đòi hỏi phải có định hướng đúng đắn, xác định những nhiệm vụ cơ bản đề ra và giải pháp thực hiện cụ thể để vượt qua những khó khăn, thách thức và tiếp tục vươn lên.

 Dựa trên những nhận định, đánh giá, nghiên cứu về tình hình thị trường của năm 2015, Ban giám đốc xây dựng kế hoạch SXKD năm 2015 như sau:

*(ĐVT: VNĐ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **KH 2015** |
| Tổng doanh thu | 135.000.000.000 |
| Tổng chi phí | 115.000.000.000 |
| Lợi nhuận trước thuế | 20.000.000.000 |
| Tỷ lệ cổ tức | 10% |

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty
2. Về nhân sự HĐQT gồm 07 thành viên hiện đều đủ tư cách là thành viên của HĐQT theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Trong số 7 thành viên, có 4/7 thành viên không trực tiếp và 3/7 thành viên trực tiếp tham gia điều hành SXKD của Công ty.
3. Các phiên họp định kỳ và chế độ báo cáo của HĐQT năm 2014:

Trong năm 2014, HĐQT Công ty đã tổ chức 07 cuộc họp định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các cuộc họp, tất cả các thành viên tham dự đày đủ. Một số cuộc họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự.

Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên HĐQT tham dự. Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng, các nội dung đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Bám sát các chỉ tiêu Nghị Quyết đã được đại hội cổ đông thường niên năm 2014 thông qua, Hội đồng quản trị đã vạch ra phương án kế hoạch và giao cho Ban điều hành thực hiện triển khai. Về cơ bản HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của nhà nước và tình hình kinh tế - xã hội.

 Theo quy định đối với tổ chức niêm yết, 06 tháng HĐQT đã có báo cáo quản trị gửi UBCK và cổ đông( Quý cổ đông có thể xem báo cáo này tại Website Công ty). Qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hoạt động của Công ty.

1. Những kết quả đạt được:

HĐQT đã chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các nội dung theo Nghị Quyết số 02 ngày 16 /5/2014 của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

1. Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch 2014** | **Thực hiện 2014** | **Tỷ lệ %** |
| Tổng Doanh thu | 80.000.000.000 | 114.007.069.055 | 142% |
| Tổng chi phí | 77.000.000.000 | 108.554.583.687 | 141% |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.000.000.000 | 5.305.571.954 | 176% |

1. Thực hiện việc niêm yết thành công 833.312 cổ phiếu từ việc phân chia thặng dư vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
2. Công tác chỉ đạo Ban giám đốc triển khai tổ chức SXKD*:*

Trong năm qua HĐQT đã luôn sâu sát chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty quyết liệt triển khai việc cơ cấu lại mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh. Tập trung cao vào các ngành nghề kinh doanh có lợi nhuận, kiên quyết tạm dừng hoặc chấm dứt các lĩnh vực kinh doanh không đem lại lợi nhuận. Vì thế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã dần đi vào ổn định và có hiệu quả. Uy tín kinh doanh ngày càng được nâng cao. Cụ thể;

- Khu vực phía Bắc: mặc dù năm 2014 là năm vừa hoàn thiện đầu tư vừa tổ chức kinh doanh khai thác depot container nhưng đã bước đầu đem lại hiệu quả.

Dự án hợp tác với Công ty Hoàng Sơn khai thác Depot MAC-HS đã đi vào hoạt động từ tháng 11/2014 nâng cao năng lực khai thác depot và sửa chữa container cho các hãng tàu.

- Chi nhánh Miền Nam tại Tp. HCM được đầu tư thêm phương tiện, máy móc để triển khai việc gia công sản xuất thiết bị treo cho các hãng tàu MSK, APL, HJS nâng cao hiệu quả SXKD. Chi nhánh đã hợp tác với PIP để tổ chức sửa chữa và vệ sinh cont’ tại Depot Suối tiên

- Đã xây dựng văn phòng và nhà xưởng cho chi nhánh Đà nẵng trên lô đất 110M2. Đồng thời đã ký HĐ hợp tác với Công ty Danalog là công ty con của cảng Đà nẵng để triển khai dịch vụ sửa container và và gai công lắp ráp thiết bị treo.

 Bổ sung thiết bị, công nhân cho Chi nhánh Đà nẵng, nâng cao chất lượng dịch vụ và xét về hiệu quả tính trên đầu người thì đây đang là đơn vị dẫn đầu Công ty.

- Tiếp tục cùng với đối tác tại Cambodia là Công ty Tenglay phát triển Dịch vụ sửa cont và cont treo, sản lượng năm 2014 đạt khoảng 6 tỷ đồng. Đây là thị trường còn tương đối mới và nhiều tiềm năng phát triển trong những năm tới. Đặc biệt phía đối tác Tenglay đang triển khai khá nhiều dự án phát triển bất động sản và có nhu cầu lớn về gia công cơ khí phục vụ xây dựng, đây cũng là cơ hội lớn để Mac có thể tăng cường thêm các dịch vụ thế mạnh của mình ở thị trường này.

- **Công tác quản trị nội bộ Công ty:**

Hội đồng quản trị đã từng bước thực hiện đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

* Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông tài khóa năm 2014 thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014 của Công ty.
* Tổ chức họp HĐQT 07 lần nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản lý giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết và chỉ tiêu kế hoạch năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông giao.
* Các thành viên Hội đồng quản trị được phân công tham gia quản lý các công ty có vốn góp của Công ty như: Công ty CP hàng hải Nam Dương, Công ty CP Xếp dỡ Cảng Hải An đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, hầu hết các Công ty này đều đạt lợi nhuận khá.
* Hội đồng quản trị đã có những biện pháp cụ thể để giữ bình ổn giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán như: việc công bố các thông tin kịp thời, đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban chứng khoán nhà nước... thực hiện tốt các Quy định của Luật chứng khoán đối với Công ty đã niêm yết trên thị trường.
* Công tác đảm bảo quyền lợi người lao động:

Xây dựng và thực hiện tốt thỏa ước lao động tập thể đã ký kết giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

Thực hiện tốt công tác tiền lương, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho toàn thể cán bộ công nhân viện, thanh toán lương đày đủ và đúng hạn.

Thường xuyên duy trì chế độ khen thưởng, kỷ luật và kịp thời động viên tinh thần làm việc của CBCNV. Đảm bảo chế độ tháng lương thứ 13 và các chế độ khen thưởng vào các dịp lễ Tết trong năm 2014

4. Phương hướng và nhiệm vụ

**Nhận định chung**:

Tình hình kinh tế vĩ mô đã có những chuyển biến tích cực trong năm 2014; lạm phát đang được kiềm chế, lãi suất tín dụng giảm, thị trường bất động sản đã ấm dần, thị trường chứng khoán đã có những phục hồi khá tốt.... Chính phủ đã và đang thực thi hàng loạt chính sách và biện pháp khác để điều tiết nền kinh tế vĩ mô và bước đầu đã phát huy hiệu quả tích cực, tạo niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp.

Tuy nhiên đối với tất cả các ngành nghề dịch vụ hiện có của Công ty sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong năm nay do mức độ cạnh tranh gay gắt hơn về giá và chất lượng, do các sức ép về cắt giảm chi phí của khách hàng, trong khi đó giá cả vật tư, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào giảm không đáng kể.

 Từ những tình hình trên căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2014, HĐQT đã thống nhất trình ĐHCĐ các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 như sau:

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

 *ĐVT: (đồng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch 2015** |
| Tổng doanh thu | 135.000.000.000 |
| Tổng chi phí | 115.000.000.000 |
| Lợi nhuận trước thuế | 20.000.000.000 |
| Tỷ lệ cổ tức | 10% |

**Kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất:**

* HĐQT Công ty xác định năm 2015 sẽ là năm bản lề có tính chất quyết định cho sự phát triển của Công ty trong thời gian tới. Nếu Công ty có thể tăng cường chất lượng dịch vụ bằng cách hợp lý hóa tổ chức các dây chuyền sản xuất và áp dụng hệ thống định mức minh bạch và khoa học. Đầu tư thêm cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực để có thể cung cấp ra thị trường một chuỗi dịch vụ cơ khí phục vụ Logistic và xây dựng, thì cơ hội để Công ty có thể cất cánh phát triển mạnh mẽ trong những năm sắp tới là rất lớn. Ngược lại, Công ty sẽ tuột mất cơ hội và dần bị loại ra khỏi sân chơi do mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Trên cơ sở đó HĐQT dự kiến một số hạng mục đầu tư cơ bản sau:

**1/ Tại Hải phòng:**

* 173: Mặt bãi, VP, nhà xưởng
* 8A: Dự án khu vui chơi, thể thao, giáo dục mầm non...
* Đình vũ: Mặt bãi, VP, xe nâng, xe vận chuyển cont

**2/ Tại DAD:**

* Xe nâng, máy móc cơ khí

**3/ Tại HCM:**

* Máy móc trang thiết bị
* Depot sửa chữa container.
* Tại CPC
* Máy móc trang thiết bị.
* Theo sát tình hình diễn biến của kinh tế thế giới và trong nước, duy trì và củng cố các dịch vụ thế mạnh hiện có, chuẩn bị tốt mọi điều kiện để phát triển các dịch vụ khác khi điều kiện thị trường cho phép.

Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các đơn vị trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải, mở rộng thêm các loại hình dịch vụ khác để phát huy hết tiềm năng thế mạnh sẵn có về sản phẩm cơ khí-dịch vụ

1. Quản trị công ty

 **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

1. ***Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thành viên HĐQT** | **Chức vụ** | **Số buổi họp tham dự** | **Tỷ lệ** | **Lý do không tham dự** |
| 1 | Ông Nguyễn Văn Cường | CT HĐQT | 7 | 100% |  |
| 2 | Ống Tạ Mạnh Cường. | TV HĐQT | 7 | 100% |  |
| 3 | Ông Ngô Long Giang | TV HĐQT | 7 | 100% |  |
| 4 | Ông Phạm Văn Cát | TV HĐQT | 7 | 100% |  |
| 5 | Ông Nguyễn Văn Dung | TV HĐQT | 7 | 100% |  |
| 6 | Bà Triệu Thị Thu Hạnh | TV HĐQT | 7 | 100% |  |
| 7 | Ông Nguyễn Văn Thủy | TV HĐQT | 7 | 100% |  |

1. ***Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc :***

+Triển khai thực hiện các nội dung khác trong nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đảm bảo thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua.

**+** Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ.

**+** Phối hợp chỉ đạo công tác Công Đoàn và Đoàn thanh niên trong Công ty, thực hiện tốt các nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với người lao động như đóng BHXH, BHYT….

**+** Trong công tác quan hệ cổ đông: HĐQT Công ty luôn thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Công ty đến với các cổ đông qua báo chí, Website Công ty, công bố thông tin…

1. ***Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:***

+Ban thư ký là bộ phận giúp việc cho HĐQT Công ty có các hoạt động chủ yếu sau:

+ Đóng vai trò giúp việc tích cực cho các thành viên HĐQT, đảm bảo việc tổ chức các cuộc họp HĐQT được thực hiện theo đúng thể thức và các nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

+ Hoạt động tích cực, là cầu nối giữa HĐQT với Ban Giám đốc, vai trò trong việc công bố thông tin theo luật định cũng như việc công bố thông tin đến các cổ đông các hoạt động và sự phát triển của Công ty.Cụ thể, luôn thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Công ty đến với các cổ đông qua Website Công ty, công bố thông tin….

**Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Số Nghị quyết/ Quyết định** | **Ngày** | **Nội dung** |
| 1 | Số 04/ NQ- HĐQT | 17/2/2014 | Phê duyệt phương án đầu tư lô đất 110 m2 tại Đà Nẵng để phục vụ sản xuất kinh doanh. |
| 2 | Số 06/NQ - HĐQT | 11/4/2014 | Phê duyệt số liệu báo cáo tài chính kiểm toán 2013.Phê duyệt việc đầu tư thêm CP của CT CP vận tải XD Hải An theo tỷ lệ quyền mua 10% |
| 3 | Số 08/NQ- HĐQT | 25/4/2014 | Phê duyệt việc mua 195.000 CP CT CP vận tải XD Hải An của cổ đông Nguyễn Văn Dung. |
| 4 | Số 12/NQ – HĐQT | 16/6/2014 | Phê duyệt phương án phát triển kinh doanh và vay vốn Ngân hàng Công thương Việt Nam- CN Ngô Quyền Hải Phòng. |
| 5 | Số 14/NQ-HĐQT | 7/7/2014 | Phê duyệt việc góp vốn mua cổ phần CT CP thực phẩm Vijais. |
| 6 | Số 20/NQ-HĐQT | 21/10/2014 | Phê duyệt tổng quỹ lương năm 2014.Phê duyệt chuyển đổi công năng khu vực 8A Vạn Mỹ |
| 7 | Số 22/NQ-HĐQT | 23/12/2014 | Phê duyệt việc trả cổ tức năm 2014 là 7% bằng cổ phiếu theo NQ của ĐHĐCĐ thường niên 2014.Thông qua chương trình phát hành thêm cổ phiễu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1. |

**Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán** : không có thay đổi

**Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan**

1. ***Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ  | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
| 1. | Nguyễn Văn Cường | CT HĐQT,GĐ | 54.533 | 0.86 % |  |
| 2. | Vũ Thị Thanh Hương | Vợ | 11.179 | 0.18% |  |
| 3. | Nguyễn Văn Hùng | Anh ruột | 8.201 | 0.13% |  |
| 4 | Tạ Mạnh Cường | TV HĐQT | 29.733 | 0.47% |  |
| 5 | Phạm Văn Cát | TV HĐQT | 35.958 | 0.57% |  |
| 6 | Nguyễn văn Thủy | TV HĐQT | 27.154 | 0.43% |  |
| 7 | Triệu Thị Thu Hạnh | TV HĐQT | 27.154 | 0.43% |  |
| 8 | Nguyễn Văn Dung | TV HĐQT | 19.204 | 0.3% |  |
| 9 | Ngô Long Giang | TV HĐQT | 0 | 0% |  |
| 10 | Lê T. Hoàng Trinh | TBKS( nhiệm kỳ III) | 16.587 | 0.26% |  |
| 11 | Nguyễn Thị Vân | TV BKS | 9.960 | 0.16% |  |
| 12 | Trần Thanh Nhàn | KTT | 13.490 | 0.21% |  |
| 13 | Trịnh Thị Thu Trang | NV CBTT | 11.598 | 0.18% |  |

1. ***Giao dịch cổ phiếu:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Người thực hiện giao dịch** | **Quan hệ với cổ đông nội bộ** | **Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ** | **Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ** | **Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)** |
| Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ |
| 1 | Nguyễn Văn Cường | CT HĐQT,GĐ | 44.072 | 0.8% | 54.533 | 0.86 % | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 2 | Vũ Thị Thanh Hương | Vợ | 9982 | 0.18% | 11.179 | 0.18% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 3 | Nguyễn Văn Hùng | Anh ruột | 7323 | 0.13% | 8.201 | 0.13% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 4 | Tạ Mạnh Cường | TV HĐQT | 26.548 | 0.48% | 29.733 | 0.47% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 5 | Phạm Văn Cát | TV HĐQT | 28.825 | 0.52% | 35.958 | 0.57% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 6 | Nguyễn văn Thủy | TV HĐQT | 24.245 | 0.44% | 27.154 | 0.43% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 7 | Triệu Thị Thu Hạnh | TV HĐQT | 24.245 | 0.44% | 27.154 | 0.43% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 8 | Nguyễn văn Dung | TV HĐQT | 14.245 | 0.26% | 19.204 | 0.3% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 9 | Ngô Long Giang | TV HĐQT |  |  | 0 | 0% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 10 | Lê T. Hoàng Trinh | TBKS( nhiệm kỳ III) | 12.355 | 0.22% | 16.587 | 0.26% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 11 | Nguyễn Thị Vân | TV BKS | 8.000 | 0.14% | 9.960 | 0.16% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 12 | Trần Thanh Nhàn | KTT | 9.500 | 0.17% | 13.490 | 0.21% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |
| 13 | Trịnh Thị Thu Trang | NV CBTT | 7.900 | 0.14% | 11.598 | 0.18% | Thưởng từ nguồn thặng dư vốn CP |

1. ***Các giao dịch khác***: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Người thực hiện giao dịch** | **Quan hệ với cổ đông nội bộ** | **Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ** | **Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ** | **Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)** |
| Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ |
| Công ty Cp quản lý quỹ đầu tưu MB | Cổ đông lớn | 622.384 | 9.83% | 0 | 0 | Cơ cấu danh mục đầu tư. |

***4. Các vấn đề cần lưu ý khác***

Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin đày đủ và kịp thời đối với những sự kiện thuộc trường hợp bắt buộc phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 52/2012- TT-BTC hiện hành.

1. Ban Kiểm soát

Tại Đại hội đồng thường niên nhiệm kỳ III (2012-2017) đã bầu ra ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Ông Vũ Thành Trung

- Bà Lê Thị Hoàng Trinh

- Bà Nguyễn Thị Vân

Tại Đại hội cổ đông thường niên 2014 phê duyệt Ông Vũ Thành Trung - Giám đốc danh mục đầu tư là người đại diện MBCapital tham gia vào ban kiểm soát của Công ty

Các thành viên Ban kiểm soát đã bầu Bà Lê Thị Hoàng Trinh làm trưởng ban.

Ban kiểm soát đã họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và đã xây dựng qui chế hoạt động của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội hoạt động kiểm soát năm 2014

**1. Kiểm soát thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2014 (theo số liệu đã được kiểm toán)**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | **Năm 2014** | **Năm 2013** | **So sánh****với 2013** | **So sánh****KH 2014** |
| **1. Tổng doanh thu** | **114.007** | **87.371** | **130%** | **142%** |
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp DV | 108.737 | 83.227 | 131% |  |
| - Doanh thu hoạt động tài chính | 4.906 | 2400 | 204% |  |
| - Doanh thu thu nhập khác | 364 | 1.744 | 21% |  |
| **2. Tổng chi phí** | **108.555** | **85.457** | **127%** | **141%** |
| - Giá vốn hàng bán | 88.435 | 68.009 | 130% |  |
| - Chi phí hoạt động tài chính | 284 | 590 | 48% |  |
| *Trong đó Chi phí lãi vay* | *126* | *73* | *173%* |  |
| - Chi phí khác | 285 | 617 | 46% |  |
| - Chi phí bán hàng | 2.026 | 1.453 | 139% |  |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp | 17.525 | 14.788 | 119% |  |
| **3. Tổng lợi nhuận trước thuế** | **5.452** | **1.914** | **285%** |  |
| **4. Lợi nhuận sau thuế** | **5.306** | **1.914** | **277%** | **177%** |
| **5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **889** | **348** |  |  |
| **6. Vốn điều lệ** | **63.331** | **54.998** |  |  |
| **7. Vốn chủ sở hữu** | **78.341** | **73.344** |  |  |

Công ty đã phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu cơ bản mà Đại hội đồng Cổ đông năm 2014 đã đề ra trong điều kiện vẫn còn nhiều khó khăn của Công ty và sự cạnh tranh thị trường hàng hải .

**2. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**

* Hội đồng quản trị có sự nhất trí cao của các thành viên, HĐQT đã đưa ra những định hướng phát triển dựa trên dự kiến tình hình thị trường, tình hình kinh tế đất nước, phát huy các lợi thế của Công ty để đưa ra và quyết định phê duyệt các phương án đầu tư , các biện pháp quản lý , lựa chọn các đối tác tham gia góp vốn…
* Ban Giám đốc đã xây dựng, ban hành một hệ thống các qui trình, qui định, qui chế, về tổ chức quản lý sản xuất , quản lý lao động, vật tư tiền vốn…Phân công , phân nhiệm rõ ràng, rành mạch giao quyền chủ động và phát huy sự sáng tạo, năng động của các đơn vị.
* Công ty đã thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động.
* Hội đồng quản trị và Ban giám đốc sinh hoạt hội họp đúng kế hoạch, đúng thời gian, trong sinh hoạt kiểm điểm , đánh giá , bàn bạc, đề ra biện pháp và quyết định những vấn đề lớn về sản xuất, kinh doanh, tài chính, đầu tư , mở rộng phát triển các dịch vụ thế mạnh của Công ty. Tuy nhiên còn có những vấn đề chưa được giải quyết triệt để, còn những danh mục đầu tư chuyển đổi vẫn chưa được thực hiện.

**3. Kiểm tra công tác tài chính**

* Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chính sách, luật về tài chính, kế toán, các chuẩn mực kế toán, các luật có liên quan : luật thương mại, luật doanh nghiệp, luật thuế… cùng các văn bản hướng dẫn.
* Mở và ghi chép đầy đủ các sổ sách bảng biểu về kế toán theo đúng qui định của luật Kế toán, luật Doanh nghiệp.
* Lưu trữ, bảo quản , sắp xếp các chứng từ , sổ sách tài liệu về kế toán theo qui định
* Báo cáo tài chính được kiểm toán theo đúng chuẩn mực kiểm toán, kế toán Vịêt nam đã đạt được mức độ tin cậy hợp lý trong báo cáo không còn có những sai sót trọng yếu và các vấn đề ngoại trừ.

**4. Kiến nghị**

* Các qui chế, qui định cần được bổ sung sửa đổi kịp thời và phải được quán triệt đến từng người lao động có liên quan.
* Cần có kế hoạch và biện pháp tích cực thu hồi công nợ về cho Công ty
* Tăng cường hơn nữa năng lực điều hành chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc và HĐQT. Căn cứ vào chiến lược phát triển Công ty có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trẻ để phục vụ Công ty
1. Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (gọi tắt là “Công ty”) trình bà y báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngà y 31/12/2014.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

***Hội đồng quản trị***

Ông Nguyễn Văn Cường Chủ tịch

Ông Tạ Mạnh Cường Ủy viên

 Ông Ngô Long Giang Ủy viên Ông Phạm Văn Cát Ủy viên Ông Nguyễn Văn Thuỷ Ủy viên Ông Nguyễn Văn Dung Ủy viên

 Bà Triệu Thị Thu Hạnh Ủy viên

***Ban Giám đốc***

Ông Nguyễn Văn Cường Giám đốc

Ông Phạm Văn Thót Phó Giám đốc

Ông Phạm Văn Cát Phó Giám đốc

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

 Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

 Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và

Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính. Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

**Nguyễn Văn Cường**

**Giám đốc**

*Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2015*

Số: /2015/BCTC-VAHP

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18/3/2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Hoa Tạ Thị Việt Phương

Phó Giám đốc Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0804-2013-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2015

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1445-2013-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Mẫu số B 01 - DN**

Đơn vị tính: VND

****

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Mẫu số B 01 - DN**

Đơn vị tính: VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Mẫu số B 01 - DN**

*Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2015*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|  |  |  |
| **Nguyễn Thị Vân** | **Trần Thanh Nhàn** | **Nguyễn Văn Cường** |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

**Mẫu số B 02 - DN**

Đơn vị tính: VND

****

*Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2015*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|  |  |  |
| **Nguyễn Thị Vân** | **Trần Thanh Nhàn** | **Nguyễn Văn Cường** |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

***(Theo phương pháp gián tiếp)***

**Năm 2014**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Mẫu số B 03 - DN** |
|  |  |  | Đơn vị tính: VND |
| **CHỈ TIÊU** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Năm 2014** | **Năm 2013** |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** |  |  |  |  |
| **1. Lợi nhuận trước thuế** | **01** |  |  **5.452.485.368**  |  **1.914.901.500**  |
| **2. Điều chỉnh cho các khoản** |  |  |  |  |
| - | Khấu hao TSCĐ | 02 | **11,12** | 2.788.169.659 | 1.633.108.599 |
| - | Các khoản dự phòng | 03 |  | 3.473.966.975 | 4.362.697.181 |
| - | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 |  | (1.607.429) | 80.041.021 |
| - | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 |  | (4.756.779.062) | (1.588.646.077) |
| - | Chi phí lãi vay | 06 | **26** | 126.387.557 | 73.674.040 |
| **3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | **08** |  |  **7.082.623.068**  |  **6.475.776.264**  |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 |  | (19.440.701.127) | 11.229.352.305 |
| - | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 |  | (1.439.681.940) | (359.166.424) |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 |  | 10.115.943.340  | (6.935.278.334) |
| - | Tăng, giảm chi phí trả trước |  |  | (95.813.524) | 468.189.683 |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 13 | **26** | (126.387.557) | - |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 |  | (26.583.247) | - |
| - | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 |  | (287.674.800) | (13.800.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | **20** |  |  **(4.218.275.787)** |  **10.865.073.494**  |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** |  |  |  |  |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH | 21 |  | (4.027.483.882) | (8.115.800.643) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 22 |  | - | 805.491.817 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác |  |  | (500.000.000) | (500.000.000) |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ  |  |  | 500.000.000 | 715.520.000 |
| 5. | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác |  |  | (6.375.120.000) | - |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (\*) |  |  | 700.000.000  | - |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 |  |  4.880.599.848 | 3.910.460.454 |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | **30** |  |  **(4.822.004.034)** | **(3.184.328.372)** |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** |  |  |  |  |
| 3. | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 |  | 18.307.467.552 | 330.000.000 |
| 4. | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 |  | (10.157.730.090) | (3.420.000.000) |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | **40** |  |  **8.149.737.462**  | **(3.090.000.000)** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)** | **50** |  |  **(890.542.359)** |  **4.590.745.122**  |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **05** |  **8.594.424.819**  | **4.083.720.718**  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 |  | (1.719.558) | (80.041.021) |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)** | **70** | **05** | **7.702.162.902** | **8.594.424.819** |

*Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2014*

(\*) Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm khoản bù trừ phải trả khác 8.700.000.000 VND.

 *Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2015*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|  |  |  |
| **Nguyễn Thị Vân** | **Trần Thanh Nhàn** | **Nguyễn Văn Cường** |

1. **THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

***Hình thức sở hữu vốn***

Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 2375/QĐ-BGTVT ngày 14/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng Hải I, trực thuộc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203000582 ngày 29/9/2003, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi: lần thứ nhất ngày 22/10/2004, lần thứ hai ngày 07/4/2006, lần thứ ba ngày 02/10/2006, lần thứ tư ngày 27/9/2007, lần thứ năm ngày 10/3/2009, lần thứ sáu ngày 08/10/2009, lần thứ bảy ngày 24/12/2009, lần thứ tám ngày 04/10/2010, lần thứ chín ngày 20/10/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ mười ngày 14/6/2011, lần thứ mười một ngày 02/8/2013, lần thứ mười hai ngày 26/02/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó:

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI.

Tên tiếng Anh: MARINE SUPPLY AND ENGINEERING SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ: 63.331.230.000 VND

 Mệnh giá cổ phần:   10.000 VND

 Vốn pháp định: 6.000.000.000 VND

***Ngành nghề kinh doanh***

* Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, kê khai hải quan, kiểm đếm hàng hóa; Hoạt động môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển); Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
* Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc: Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc, container;
* Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
* Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
* Sản xuất các cấu kiện kim loại;
* Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
* Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
* Bốc xếp hàng hóa;
* Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
* Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
* Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn: Sửa chữa vỏ container;
* Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác: Dịch vụ vệ sinh tàu biển;
* Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy;
* Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải thủy: Hoạt động lai dắt, đưa tàu cập bến;
* Đóng tàu và cấu kiện nổi;
* Sửa chữa máy móc, thiết bị;
* Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
* Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: Hoạt động của đại lý bảo hiểm;
* Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
* Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh: Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến. Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng. Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm tươi, đông lạnh và chế biến. Hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến. Bánh, mứt, kẹo;
* Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
* Bán buôn thực phẩm: Đường, bánh, mứt, kẹo, sôcôla, cacao. Bán buôn sữa tươi, sữa bột, sữa cô đặc, và sản phẩm sữa như bơ, phomat, mỳ sợi, bún, bánh phở, miến, mỳ ăn liền và các sản phẩm khác chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.

­­­­­­­­­­­­­Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 8A Đường vòng Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Công ty có Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại 97/48 Khu phố 2, Đường số 8, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. **KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

1. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

1. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

* 1. **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính*.* Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

* 1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó và được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

* 1. **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ (các khoản mục tiền tệ) bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.­­­­­­

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm 31/12/2014 là 21.375 VND/USD và 174 JPY/VND; 31/12/2013 là 21.090VND/USD và 199,60 JPY/VND.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”.

* 1. **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

* 1. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sửa chữa phương tiện thủy được xác định riêng cho từng hạng mục của phương tiện thủy, bao gồm: tổng chi phí phát sinh trong kỳ cộng (+) chi phí dở dang đầu kỳ, nhân (x) tỷ lệ doanh thu của hạng mục chưa được quyết toán trên tổng doanh thu sửa chữa của cả phương tiện thủy.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sửa chữa bộ (container treo, container dán, làm xà) được xác định bằng định mức chi phí nhân (x) số lượng container, xà chưa thực hiện xong.

* 1. **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Số năm** |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 03 - 15 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 15 |
| Dụng cụ quản lý | 03 - 07  |

* 1. **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm ứng dụng quản lý khai thác Container rỗng và quyền sử dụng đất.

Phần mềm ứng dụng quản lý khai thác Container rỗng được khấu hao dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 05 năm kể từ thời điểm đưa vào sử dụng là tháng 12 năm 2012. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn của thửa đất số 10, khu tái định cư Thọ Quang 2, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 110m2 không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

* 1. **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình chưa hoàn thành tại thời điểm 31/12/2014. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

* 1. **Các khoản đầu tư tài chính**
* ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn khác:***

Đầu tư ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư mua Chứng chỉ quỹ của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB.

* ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác:***

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản góp vốn vào Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco, Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Công ty Cổ phần Hải Minh, Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương, Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư). Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

Tại thời điểm 31/12/2014, khoản góp vốn vào Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư) với tỷ lệ 55% vốn điều lệ tại 31/12/2014, tương đương 886.050.000 VND. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco ngày 20/12/2010, Hội đồng thành viên Công ty này đã thống nhất chuyển quyền chi phối của bên Việt Nam là Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (Maserco) cho bên nước ngoài là ông Iwasaki Yoshinobu, theo đó, bên nước ngoài có toàn quyền biểu quyết, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm các thành viên Hội đồng thành viên đối với Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco. Bên nước ngoài được coi là Công ty mẹ và bên Việt Nam chỉ còn quyền chia lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco.

Trong năm, Công ty ghi nhận cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Công ty Cổ phần Hải Minh, Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương và với số tiền lần lượt là 4.100.258.000 VND, 334.398.100 VND, 270.000.000 VND và hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư phần sở hữu tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

* 1. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

* 1. **Các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí khác bao gồm: Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn là giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian sử dụng ước tính dưới 12 tháng, kể từ tháng đưa vào sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian sử dụng ước tính từ 12 tháng đến 36 tháng, kể từ tháng đưa vào sử dụng. Riêng các công cụ dụng cụ là giá trị còn lại của các tài sản có nguyên giá không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng, kể từ tháng 6 năm 2013.

* 1. **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Chi phí phải trả bao gồm là chi phí tiền điện, nước, cước điện thoại và các chi phí khác thực tế phát sinh nhưng đến thời điểm 31/12/2014 chưa thanh toán.

* 1. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2014 bao gồm vốn góp của các cổ đông, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

Căn cứ theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ (MAC) ngày 03/5/2013 thông qua phương án phân chia thặng dư vốn cổ phần, tỷ lệ phân chia là 12% cho cổ đông hiện hữu, số còn lại là cho cán bộ công nhân viên đang làm việc tại Công ty. Trong năm 2014, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 54.998.110.000 VND lên 63.331.230.000 VND.

Căn cứ Thông báo số 488/TB-SGDHN, ngày 02/6/2014 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết bổ sung Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải.

Trong năm 2014, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2012 và năm 2013 vào các quỹ theo các Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ(MAC) ngày 03/5/2013 và Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ(MAC) ngày 16/5/2014. Tỷ lệ trích vào các quỹ sau thuế thu nhập doanh nghiệp của từng năm cụ thể như sau: Quỹ đầu tư phát triển: 5%, Quỹ dự phòng tài chính: 20% và Quỹ khen thưởng phúc lợi: 10%.

* 1. **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua, đồng thời, Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể:

* Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
* Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn; và
* Chênh lệch tỷ giá: phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.
	1. **Ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ bao gồm lãi tiền vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và chi phí tài chính khác. Cụ thể:

* Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.
* Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
* Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích theo quy định.
* Chi phí tài chính khác là lãi chậm nộp bảo hiểm ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh.
	1. **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí chịu thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

* 1. **Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

* 1. **Bên liên quan**

Công ty góp 55% vốn điều lệ của Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco và Công ty ủy quyền quyền kiểm soát cho bên đối tác. Theo đó, các giao dịch với Công ty này được coi là giao dịch với bên liên quan.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

1. **TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

****

1. **ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**



1. **CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

****

(\*) Số tiền Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải ủy thác Công ty Cổ phần Thực phẩm Vijais mua cổ phần Công ty Cổ phần Motachi (chuyển nhượng từ cổ đông hiện hữu hoặc phát hành thêm) theo hợp đồng số 24/UTMBCP.

1. **DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**



1. **HÀNG TỒN KHO**

****

1. **TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

**­­­**

1. **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

****

1. **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

****

1. **CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

****

****

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang kết chuyển sang nội dung nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải (thuộc tài sản cố định hữu hình) với số tiền lần luợt là 215.882.049 VND, 291.047.548 VND, 1.505.324.091 VND; kết chuyển sang nội dung quyền sử dụng đất (thuộc tài sản cố định vô hình) với số tiền 633.632.000 VND.

1. **CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**



(**\*) Chi tiết đầu tư dài hạn khác như sau:**



1. **DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**



1. **CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

****

1. **VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

****

(\*) Xem chi tiết tại thuyết minh 21.

1. **THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

****

1. **CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

****

1. **CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

****

1. **VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

****

(\*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2014-HĐTD/NHCT168-MASERCO ngày 23/10/2014:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Gốc tiền vay | : | 1.008.000.000 VND |
| Mục đích vay | : | Thanh toán tiền mua xe ôtô 07 chỗ ngồi nhãn hiệu Huyndai Santafe. |
| Lãi suất cho vay | : | Lãi suất thả nổi và được xác định vào ngày giải ngân khoản nợ đó. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: 12%. |
| Thời hạn cho vay | : | 36 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. |
| Lãi suất cho vay quá hạn | : | 150% lãi suất cho vay trong hạn. |
| Tài sản đảm bảo | : | Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTCHUYNDAI/2014 ngày 22/10/2014: 01 xe ôtô con 07 chỗ ngồi nhãn hiệu Huyndai Santafe mới 100% nhập khẩu nguyên chiếc từ Hàn Quốc năm 2014. |
| Số dư khoản vay tại 31/12/2014 | : | 952.000.000 VND (trong đó gốc vay phải trả năm 2015 là: 336.000.000 VND). |

1. **VỐN CHỦ SỞ HỮU**

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND



 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN



CỔ PHIẾU



LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI



1. **DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

****

1. **GIÁ VỐN HÀNG BÁN**



1. **DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**



1. **CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

****

1. **LỢI NHUẬN KHÁC**

****

1. **CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

****

1. **CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

****

1. **LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

****

1. **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2014 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

1. **THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

****

****

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc** |  **Năm 2014**  |  |  **Năm 2013**  |
|  | **VND** |  | **VND** |
|  |  |  |  |
| Tổng thu nhập |  1.209.096.000  |  | 1.156.882.000  |
|  |  |  |  |
| **Cộng** | **1.209.096.000** |  | **1.156.882.000**  |

1. **BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 03 bộ phận hoạt động: hoạt động sửa chữa tàu biển, hoạt động sửa chữa cơ khí, phương tiện bộ, hoạt động khai thác bãi container và hoạt động khác.

**Năm 2014**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014**

Đơn vị tính: VND

******

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014**

Đơn vị tính: VND

****

**Năm 2013**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013**

Đơn vị tính: VND

******

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013**

Đơn vị tính: VND

******

1. **CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.17.

****

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

* **Rủi ro thị trường**
* *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) và đồng Yên Nhật (JPY).



* *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31/12/2014, lãi suất của các khoản vay trung và dài hạn đã được cố định ở mức 11,75%/năm (biên độ dao động 4,75%/năm) cho tới ngày thanh toán, lãi suất vay ngắn hạn là 8,5%/năm. Do đó, Công ty không chịu rủi ro lãi suất.

* **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

* *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.



Giá trị tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) này đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng phải thu theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

* **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

****

* **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

1. **SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng.

*Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2015*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
| **Nguyễn Thị Vân** | **Trần Thanh Nhàn** | **Nguyễn Văn Cường** |

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải./.

*Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2015*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty** |